

TIÊU CHUẨN NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BỘ Y TẾ	TIÊU CHUẨN SỨC KHOẺ - PHÂN LOẠI ĐỂ KHÁM TUYỂN, KHÁM ĐỊNH KỲ	Quyết định Số: 1613/BYT-QĐ
		<i>Có hiệu lực từ 15/08/1997</i>

I - QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ, khám đổi nghề vì sức khỏe của các công dân Việt Nam vào học ở các trường Đại học, Trung học Chuyên nghiệp trường Dạy nghề và vào làm việc ở các tổ chức sản xuất kinh doanh của nhà nước, của tư nhân, các tổ chức liên kết liên doanh với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn sơ tuyển. Việc khám tuyển chính thức sẽ dựa vào tiêu chuẩn khám tuyển của từng nghề, công việc đó.

3. Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên không bị các bệnh cấp tính là đối tượng của tiêu chuẩn này.

4. Tiêu chuẩn quy định có 5 loại sức khỏe:

-Loại I : Rất khỏe

-Loại II : Khỏe

-Loại III : Trung bình

-Loại IV : Yếu

-Loại V : Rất yếu

II- TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI SỨC KHOẺ

1. Bệnh tật:

NGOÀI DA – HOA LIỄU					
Nấm da:					
(hắc bào, nấm bẹn)					
79.1- Không có	x				
79.2- Thể giản đơn chưa có biến chứng viêm da nhiễm khuẩn, diện tích không quá diện tích lòng bàn tay của đối tượng.		x			
79.3- Có biến chứng nhiễm khuẩn, diện tích lớn hơn diện tích lòng bàn tay của đối tượng.			x		
Nấm kẽ:					
80.1- Không có	x				
80.2- Bột trắng 1-2 kẽ		x			
80.3- Kèm theo nấm móng hoặc nấm da			x		
Lang ben:					
81.1- Không có	x				
81.2- Thể giản đơn không quá 1/3 cơ thể		x			
81.3- Thể lan tỏa			x		
Ghẻ:					
82.1- Không có	x				
82.2- Thể đơn giản chưa có biến chứng		x			

82.3- Thể rải rác:					
- Có biến chứng nhiễm trùng			x		
- Có biến chứng viêm thận				x	
Eczéma:					
83.1- Không có	x				
83.2- Mạn tính		x			
83.3- cấp tính bội nhiễm			x		
Bệnh Dànhing, Pemphigus:					
84.1- Bệnh Dànhing					
- Không có	x				
- Thể nhẹ khu trú một chỗ			x		
- Thể rải rác				x	
84.2 - Bệnh Pemphigus:					
- Không có	x				
- Thể da mỡ, vảy lá				x	
- Thể Vulgaris - Thể sùi					x
Bệnh Lupus ban đỏ, vảy nến:					
85.1- Bệnh Lupus ban đỏ:					
-Không có	x				
- Lupus đỏ kinh			x		
- Lupus đỏ hệ thống					x
85.2- Bệnh vảy nến:					
- Không có	x				
- Thể thông thường khu trú			x		
- Thể lan tỏa, da đỏ toàn thân				x	
-Thể khớp					x
Tổ đĩa, viêm da thần kinh:					
86.1- Không có	x				
86.2- Có tổ đĩa, viêm da thần kinh			x		
Lậu:					
87.1- Không có	x				
87.2- Lậu cấp đã điều trị khỏi		x			
87.3- Lậu mạn chưa khỏi			x		
Giang mai:					
88.1- Không có	x				
88.2- Giang mai I đã điều trị khỏi		x			
88.3- Giang mai II đã điều trị khỏi lâm sàng và xét nghiệm		x			
88.4- Giang mai I và II chưa điều trị thì không xếp loại					

88.5- Giang mai thần kinh, tim mạch					X
HIV/AIDS:					
89.1- Không có	X				
89.2- HIV dương tính				X	
89.3- AIDS					X
Bệnh phong:					
90.1- Không có	X				
90.2- Có bệnh phong					
- Không tàn phế			X		
- Tàn phế độ I				X	
-Tàn phế độ II					X
Hạ cam mềm:					
91.1- Không có	X				
91.2- Có hạ cam mềm					
- Chưa điều trị khỏi			X		
- Đã điều trị khỏi		X			
Sùi mào gà:					
92.1- Không có	X				
92.2- Có sùi mào gà:					
- Chưa điều trị khỏi				X	
- Đã điều trị khỏi		X			
Nicolas Favres:					
93.1- Không có	X				
93.2- Có Nicolas Favres:					
- Chưa điều trị khỏi				X	
- Đã điều trị khỏi		X			
Viêm móng, xung quanh móng:					
94.1- Không có	X				
94.2- Có viêm móng, xung quanh móng:					
- Chưa điều trị khỏi			X		
- Đã điều trị khỏi		X			

Phụ lục 1- MỘT SỐ ĐIỀU LƯU Ý KHI KHÁM LÂM SÀNG

18. Nấm da (chỉ tiêu m79.2):

Thẻ giản đơn là thẻ chỉ có da hơi đỏ, viền bờ rõ, nền không cộm, chưa bị biến chứng viêm da.

19. Bệnh phong (chỉ tiêu 90.2):

- Tàn phế độ I: Mất cảm giác, da thay đổi màu sắc.
- Tàn phế độ II: Đã có loét, cụt các đốt, các ngón...